TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS-PT
Ngày 29 - 01 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Ông Võ Văn Lịnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 295/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Khưu Quang C, sinh năm 1951; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Ngọc M, sinh năm 1959, theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2017 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường M, khu phố N, phường B, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Quốc lộ T, ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1952, theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố M, phường T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1; địa chỉ: ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. NLQ2; địa chỉ: ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. NLQ3; Địa chỉ: ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. NLQ4; địa chỉ: khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lâm Thị L - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hà Ngọc M trình bày: Vào năm 1991, ông Khưu Quang C được Ủy Ban nhân dân huyện H cấp cho một phần đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện H, đất có chiều ngang 20m giáp Quốc lộ 80, chiều dài giáp đến biển. Phần đất ông C được cấp là do ông C đồng ý hoán đổi toàn bộ nhà cửa tại trung tâm Tô Châu cho Trung Đoàn H để mở rộng doanh trại. Khi giao đất cho ông C, chính quyền địa phương có tiến hành đo đạc, lập sơ đồ, cắm ranh cụ thể.

Sau khi được cấp đất do hoàn cảnh gia đình khó khăn chưa có điều kiện cất nhà nên ông C chuyển về ở nhờ nhà người chị tại B, huyện K nhưng hàng năm ông C có đến phần đất của mình để phát dọn cây cỏ và có cho NLQ3 thuê phần đất này để làm bãi đổ xe. Đến năm 2014, ông phát hiện bà Lâm Thị L xây dựng móng đá hộc, nhà tạm lấn sang phần đất của ông và có yêu cầu Ủy Ban nhân dân xã T, thị xã H giải quyết nhưng không thành. Hiện nay phần đất của ông chưa được Ủy Ban nhân dân thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông cam kết chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã H giải quyết và không khiếu nại đến cơ quan nào khác.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị L, ông Lâm Văn C phải tháo dở công trình xây dựng trên đất trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang 13m giáp Quốc lộ 80, chiều dài 23,7m từ Quốc lộ 80 đến giáp biển.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hoàng Văn H trình bày: Phần đất bà L đang ở hiện nay tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã Hn có nguồn gốc

là của NLQ3. Năm 1987, bà L sang nhượng lại quán cà phê của ông NLQ3 với giá là 7,5 chỉ vàng 24k, lúc sang nhượng thì hai bên chỉ thỏa thuận sang quán nước không sang nhượng đất vì đất là của Nhà nước quản lý, nhưng bà L vẫn sử dụng đất có chiều ngang giáp Quốc lộ 80 khoảng 20m, chiều dài đến giáp biển, đến năm 1988 bà L khai phá đất ra thêm 13m chiều ngang và có xây móng đá hộc, có trồng 02 cây dừa và 03 cây bàng, tổng cộng chiều ngang khu đất bà L sử dụng cho đến nay là 33m.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu bà L trả lại đất lấn chiếm chiều ngang 13 m, chiều dài 23,7m bà L không đồng ý, vì phần đất này bà L sử dụng ổn định liên tục từ năm 1987 đến nay. Yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của ông C, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

NLQ1 trình bày: Phần đất tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H là do vợ chồng ông sử dụng ổn định liên tục từ năm 1987, ông hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của ông H là không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Khưu Quang C. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

NLQ2 trình bày: Phần đất bà Lâm Thị L đang ở hiện nay tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H là do ông Lý Phương K (Hai T) khai phá và có cất một quán cột cây, mái lá để bán cà phê, đến năm 1986 ông Hai T bán lại quán nước cho ông có chiều ngang là 08m giáp Quốc lộ 80, chiều dài khoảng 10m với giá là 07 chỉ vàng 24k, còn đất là của Nhà nước quản lý, ông Lý Phương K đã bệnh chết vào ngày 10/9/2016. Năm 1987, do việc buôn bán cà phê không thuận lợi nên ông bán lại quán trên cho bà L chiều ngang là 08m giáp Quốc lộ 80, chiều dài khoảng 10m với giá là 07 chỉ vàng 24k, việc mua bán quán nước giữa các bên không làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến, tại thời điểm ông ở thì xung quanh khu vực này chỉ có nhà bà Dương Thị Tuyết H cặp bên quán nước của ông ngoài ra không còn nhà nào khác, theo ông thì 02 cây Dừa, 03 cây bàng trên phần đất đang tranh chấp giữa ông C và bà L là do tự mộc không có ai trồng. Nay các bên tranh chấp ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

NLQ4 trình bày: Yêu cầu bà Lâm Thị L trả lại phần đất lấn cho chồng bà là ông Khưu Quang C đúng theo như sơ đồ khu đất do Ủy Ban nhân dân xã T lập ngày 08/5/1991.

NLQ3 trình bày: Năm 2014 ông có thuê đất của ông Khưu Quang C để làm bãi đỗ xe cho khách tham quan với chiều ngang là 20m giáp Quốc lộ 80, chiều dài từ mé lộ ra đến giáp biển, đất tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H. Các bên có thiết lập hợp đồng thuê, thời hạn hợp đồng 06 năm, kể từ ngày 04/5/2014 đến ngày

04/5/2020. Nay các bên phát sinh tranh chấp thì ông không có yêu cầu độc lập, chỉ yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất đang thuê.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Buộc bà Lâm Thị L, NLQ1 trả lại quyền sử dụng đất cho ông Khưu Quang C diện tích 308,1m^2 (trong đó có diện tích 201,5m^2 nằm trong hành lang an toàn giao thông và diện tích 106,6m^2 nằm ngoài hành lang an toàn giao thông) và buộc tháo dỡ công trình trên đất là mái nhà tạm loại cột gỗ, nền láng xi măng, xung quanh kéo lưới B40, mái lợp tol sóng vuông chiều ngang 0,7m, chiều dài 09m xây dựng trên phần đất diện tích 308,1m^2 (giáp ranh đất của ông Khưu Quang C và nhà ở bà Lâm Thị L), đất tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã H và bản trích đo sơ đồ hiện trạng tranh chấp đất giữa ông Khưu Quang C và bà Lâm Thị L của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 16/01/2017 (có tuyên vị trí tứ cạnh và có sơ đồ kèm theo).

2. Giữ nguyên hiện trạng khu đất có diện tích 308,1m^2 theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã H và bản trích đo sơ đồ hiện trạng tranh chấp đất giữa ông Khưu Quang C và bà Lâm Thị L của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 16/01/2017 (có tuyên vị trí tứ cạnh và có sơ đồ kèm theo) và 02 cây dừa, 03 cây bàng cho ông Khưu Quang C sử dụng, sở hữu đối với móng đá hộc và cây trồng trên.

3. Ghi nhận ý kiến của ông Khưu Quang C trả lại giá trị móng đá hộc và mái nhà tạm cho bà Lâm Thị L số tiền là 2.127.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả trong thi hành án, chi phí định giá, chi phí thẩm định tại chỗ, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, bà Lâm Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên hiện trạng căn nhà, diện tích đất có chiều dài nằm ven quốc lộ 80 là 33m, chiều rộng về phía biển như thực tế và giữ nguyên hiện trạng cây trồng trên đất là 13m đất tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang cho gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà M có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có lời trình bày bà thống nhất với bản

án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Hà Ngọc M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ4, NLQ2, NLQ3 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự (ông Khưu Quang C, bà Lâm Thị L) đều cho rằng phần đất tranh chấp hiện các bên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tranh chấp do Nhà nước quản lý. Năm 1991, Ủy ban nhân dân xã T làm bảng kiến nghị gửi đến Ủy ban nhân dân huyện H (nay là Ủy ban nhân dân thị xã H) để cấp một phần đất cho ông C vì phần đất của gia đình ông C tại Trung tâm Tô Châu, xã T được trưng dụng để xây dựng Trung đoàn H, thuộc Sư đoàn B, ngày 18/4/1991 Ủy ban nhân dân huyện H đã duyệt cấp nền nhà cho ông C và có sơ đồ khu đất được Ủy ban nhân dân xã T duyệt ngày 08/5/1991, ông C được sử dụng diện tích chung, dài: 20m, rộng: ăn sâu ra biển. Bà L cho rằng năm 1987 bà sang nhượng lại quán cà phê của NLQ2, chiều ngang 20m giáp Quốc lộ 80, chiều dài từ mé lộ chạy dài ra đến giáp biển với giá 7,5 chỉ vàng 24k, trong quá trình sử dụng bà khai phá thêm 13m, tổng diện tích chiều ngang của bà là 33m tính từ ranh đất với bà Dương Thị Tuyết H, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm bà L không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của bà L là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, trong các biên bản lấy lời khai và biên bản đối chất và biên bản hòa giải NLQ2 (bút lục số 56, 76, 144, 145, 202, 203, 204, 205) đều cho rằng vào năm nào ông không nhớ nhưng ông có mua lại quán nước là một căn nhà lá, cột bằng gỗ của ông Hai Tốt với giá 07 chỉ vàng 24k, chiều ngang 08m, chiều dài 10m, sau đó ông bán lại cho vợ chồng bà L cùng

với diện tích chiều ngang 08m, chiều dài 10m với giá 07 chỉ vàng 24k, việc mua bán này không làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến. Đồng thời, theo lời trình bày của bà Trần Thị H (bút lục số 166, 167) cho rằng: Ông Hai T bán quán cà phê cho NLQ2 diện tích ngang khoảng 08m, dài gần 10m, NLQ2 bán lại quán cà phê cho bà L diện tích 08m, dài gần 10m.

[3] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, NLQ3 cho rằng: "*Tôi đến ấp R, xã T sinh sống được 10 năm, khi đến đây tôi thuê mặt bằng quán bà H mở quán (đặt tên Cây Bàng) buôn bán, vì phần đất chật muốn hỏi thuê thêm phần đất giáp ranh để làm bãi đậu, nên tôi có hỏi thăm mọi người xung quanh được biết phần đất tiếp giáp với đất tôi thuê là đất ông Khưu Quang C (hướng về K), sau khi gặp ông C thì tôi mới biết phần đất tiếp giáp quán Cây Bàng của tôi là của ông C, được Nhà nước hoán đổi trước đây và ông C có giấy tờ hoán đổi có xác nhận của UBND huyện H. Thấy vậy giữa tôi với ông C có làm hợp đồng thuê đất với nhau ...*" (bút lục số 172); Và có hợp đồng kèm theo (bút lục số 169a). Tại công văn số 191/UBND-TNMT ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã H xác định: "Năm 1991, đất của hộ gia đình ông Khưu Quang C tại Trung tâm Tô Châu, xã T (nay là khu phố B, phường T và ấp R1, xã T) được trưng dụng để xây dựng Trung đoàn H thuộc Sư đoàn B. Để ổn định cuộc sống cho gia đình ông C, UBND xã T đề nghị UBND huyện H duyệt chấp thuận ngày 18/4/1991 tại bản Kiến nghị của UBND xã T. Thời điểm giao cấp đất cho hộ gia đình ông Khưu Quang C thì Luật đất đai năm 1987 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành không quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền đối với các trường hợp trưng dụng đất … Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của thị xã H thì khu đất tranh chấp này thuộc quy hoạch đất thương mại dịch vụ (TMD). Do đó, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất được nếu đủ điều kiện quy định tại Điều 100, điều 101 Luật Đất đai năm 2013 thì được xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất …" (bút lục số 79).

Từ những nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khưu Quang C và buộc bà L cùng NLQ1 tháo dỡ mái nhà tạm trên diện tích đất đã lấn chiếm và trả lại diện tích đất 308,1m^2 tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị L và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm, bà L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 6 Điều 49 Luật Đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 203, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

1. Buộc bà Lâm Thị L, NLQ1 trả lại quyền sử dụng đất cho ông Khưu Quang C diện tích 308,1m^2 (trong đó có diện tích 201,5m^2 nằm trong hành lang an toàn giao thông và diện tích 106,6m^2 nằm ngoài hành lang an toàn giao thông) và buộc tháo dỡ công trình trên đất là mái nhà tạm loại cột gỗ, nền láng xi măng, xung quanh kéo lưới B40, mái lợp tol sóng vuông chiều ngang 0,7m, chiều dài 09m xây dựng trên phần đất diện tích 308,1m^2 (giáp ranh đất của ông Khưu Quang C và nhà ở bà Lâm Thị L), đất tọa lạc tại ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã H và bản trích đo sơ đồ hiện trạng tranh chấp đất giữa ông Khưu Quang C và bà Lâm Thị L của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 16/01/2017, đất có hình ABCD, cạnh AB = 13m, cạnh DC = 13m, cạnh DA = 23,7m, cạnh BC = 23,7m.

2. Giữ nguyên hiện trạng khu đất có diện tích 308,1m^2 theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã H và bản trích đo sơ đồ hiện trạng tranh chấp đất giữa ông Khưu Quang C và bà Lâm Thị L của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 16/01/2017, đất có hình ABCD, cạnh AB = 13m, cạnh DC = 13m, cạnh DA = 23,7m, cạnh BC = 23,7m, trên đất có móng xây đá hộc cao 01m, chiều ngang 02m, chiều dài 15,3m và hai cây dừa, 03 cây bàng cho ông Khưu Quang C sử dụng, sở hữu.

3. Ghi nhận ý kiến của ông Khưu Quang C trả lại giá trị móng đá hộc và mái nhà tạm cho bà Lâm Thị L số tiền là 2.127.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến thi hành xong.

4. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị L, NLQ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Buộc ông Khưu Quang C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 03998 ngày 12/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm, bà Lâm Thị L phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004338 ngày 11/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- Chi phí tố tụng khác:

+ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Lâm Thị L, NLQ1 phải chịu chi phí là 317.880 đồng, số tiền này ông Khưu Quang C đã nộp xong. Do đó, bà L, NLQ1 liên đới nộp trả lại cho ông C số tiền 317.880 đồng (ba trăm mười bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

+ Chi phí thẩm định giá: Buộc bà Lâm Thị L và NLQ1 phải chịu chi phí là 1.430.000 đồng số tiền này ông Khưu Quang C đã nộp xong. Do đó, bà L, NLQ1 liên đới nộp trả lại cho ông C số tiền 1.430.000 đồng (một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thị xã H;
-THA dân sự thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Đình Thi